

a) Ma trận

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2
MÔN: VẬT LÝ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức, kĩ năng	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (ph)	
			Số CH	Thời gian (ph)	Số CH	Thời gian (ph)	Số CH	Thời gian (ph)	Số CH	Thời gian (ph)	TN	TL		
1	Động lực học	1. Mô men lực. Cân bằng vật rắn	2	1.5	1	1					3		2.5	7.5
2	Năng lượng. Công, công suất.	2.1. Năng lượng. Công cơ học	2	1,5	1	1	1	4.5			3	1	25.25	55
		2.2. Công suất	2	1.5	1	1					3			
		2.3. Động năng. Thế năng	1	0,75	1	1	1	4.5			2	1		
		2.4. Cơ năng. Định luật bảo toàn cơ năng.	1	0,75	1	1			1	6	2	1		
		2.5. Hiệu suất	1	0,75	1	1					2			
3	Động lượng	3.1. Động lượng.	1	0,75	1	1					2		10.25	17.5
		3.2. Định luật bảo toàn động lượng	1	0,75	1	1			1	6	2	1		
		3.3. Thực hành. Xác định động của vật trước và sau va chạm	1	0,75							1			
4	Chuyển	4.1. Động học của chuyển	1	0,75	1	1					2		3.5	10

	động tròn	động tròn đều												
		4.2.Lực hướng tâm. Gia tốc hướng tâm	1	0,75	1	1					2			
5	Biến dạng vật rắn. Áp suất chất lỏng.	5.1. Biến dạng của vật rắn	1	0,75	1	1					2		3.5	
		5.2.Khối lượng riêng, áp suất chất lỏng	1	0,75	1	1					2			
Tổng			16	12	12	12	2	9	2	12	28	4	45	100
Tỉ lệ %			40		30		20		10		70	30	45	100
Tỉ lệ chung%			70				30				100		45	100

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng;
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận;
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm; số điểm cho câu hỏi tự luận được quy định rõ trong hướng dẫn chấm;
- Các câu hỏi không trùng đơn vị kiến thức với nhau.